



Chiếc Nhẫn Ân Tình

Bùi Thượng Phong

Khoảng cuối năm 1967 tôi nhận được sự-vụ-lệnh về cầm một Đại Đội của một Tiểu Đoàn mới thành lập chưa được bao lâu, thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh lúc đó đang đồn trú tại quận Đức-Hòa. Tiểu Đoàn này trước đó mấy tháng, được đặt dưới quyền chỉ-huy của một vị Th/T rất nổi tiếng bên Biệt-Động-Quân mới chuyển qua. Vì công-sự phòng-thủ chưa hoàn tất, BCH/TĐ phải tạm thời đóng trong một ngôi biệt thự của một nhà máy xay lúa. Lợi dụng cơ hội này, VC đã bất ngờ dùng đặc-công và nội-tuyển, trong một đêm đen tối, chúng đã tràn ngập vào được BCH/TĐ ngay từ những phút đầu, gây thiệt hại rất nặng cho bên ta. Tai hại nhất, chúng đã lấy đi mạng sống của cả hai vợ chồng vị TĐ Trưởng mà ai đã từng là Biệt-Động-Quân cũng đều phải nghe danh: “Th/T Cọp-Ba-Đầu-Rắn”! Tiếc thương ông và người vợ nữ-lưu anh-hùng, nhưng mọi người thầm tự hỏi: Có phải ông đã quá khinh địch? Hay ông có điều gì bất mãn khi đang trong một binh chủng nổi tiếng, nay phải chuyển về một đơn vị bộ binh khiến ông lơ là thiếu cảnh giác? Điều này chỉ riêng mình ông biết! Sau trận thảm bại này, các anh em binh sĩ trong Tiểu-đoàn xuống tinh thần rất nhiều! Tiểu-đoàn phải chờ bổ xung thêm quân số và cần được “hấp” lại. Và tôi được chuyển về đây cũng trong dịp này.

Trong khoảng thời gian coi như nhàn hạ này, tôi đã quen biết một đứa bé gái tên là Hân, lúc đó khoảng 8, 9 tuổi, là cháu gọi bằng dì của cô Thanh, chủ ngôi nhà mà tôi đã xin phép để đặt BCH/ĐĐ. Tôi chọn nhà cô Thanh vì không những nhà có một sân lớn, mà còn có cả một cái nhà cầu đang hoang! Cô Thanh, một phụ nữ khoảng trên dưới ba mươi, không đẹp cũng không xấu, ăn nói rất nhỏ nhẹ, dễ thương. Tôi không thấy chồng cô. Dù cô nghĩ dạy học đã lâu để trông coi việc ruộng nương, nhưng bà con lối xóm vẫn quen gọi cô là Cô Giáo. Dĩ nhiên cô Thanh không hề là đối-tượng của những sĩ quan còn rất trẻ như chúng tôi hồi đó.

Còn nhớ ngày đầu tiên gặp và nói chuyện với cô ở ngoài sân, về việc xin tạm dùng căn nhà làm BCH/ĐĐ, tôi thấy có một đứa bé gái đứng dựa lưng một gốc cau gần đó, đang nheo mắt nhìn tôi rất chăm chú. Thấy nó dễ thương, tôi quì một chân xuống ngang tầm nó và ngoắc nó lại. Nó phụng phịu lắc đầu không chịu. Cô Thanh nói như hơi gắt:

- Hân không được hỗn, lại cúi đầu chào Thiếu-úy, đi con!

Vẫn còn phụng phịu, nó tiến lại gần tôi và lí nhí nói mấy câu gì tôi cũng không nghe rõ! Tôi thông cảm sự thay đổi quá đột ngột đối với gia đình cô giáo, đang vắng vẻ, neo đơn; nay bỗng dưng ồn ào náo nhiệt, ra vào toàn lính là lính! Cô Thanh thì còn bận rộn với ruộng vườn, công thợ... chứ bé Hân thì ngoài giờ đi học, nó đụng độ tụi tôi suốt ngày! Mấy ngày đầu, nó có vẻ còn tránh né, nhưng rồi sau đó, quen hết anh hạ-sĩ y-tá này đến bác thượng-sĩ thường- vụ kia. Nó trở nên vui vẻ và hòa đồng rất nhanh với cái không khí ồn ào nhưng kỷ-luật của đời lính chúng tôi. Đặc biệt, Hân quý tôi hơn cả, vì có mấy lần tôi đã giúp em giải một vài bài toán khó trong lớp. Nó quấn quít bên tôi suốt ngày, chuyện trò líu lo không ngừng nghỉ. Có những lần tôi đi hành quân về, nó núp trong bụi, rồi chọt ủa ra ôm lấy chân tôi cười nức nở... Mới 8, 9 tuổi, mà em đã biết dành dụm tiền để mua đường, nấu đãi chúng tôi những bát chè thật ngọt ngào ấm bụng! Bù lại, những lần đi phép, không lần nào tôi không mua cho em, khi thì đồ chơi, khi khác là sách, tập...

Hân mồ côi cả cha lẫn mẹ. Quê em ở mãi đâu vùng An-Hiệp, Thái-Mỹ. Em kể với tôi, nước mắt lưng tròng: Cha em một hôm đi làm ruộng, đạp nhầm phải mìn VC, chết không kịp trăn trối! Hơn năm sau, người mẹ cũng ra đi vì bệnh! Thế là em phải về núp bóng dì em, là cô giáo Thanh. Tôi lúc đó chưa lập gia-đình, thực tình, tôi thương Hân như thương người em út, nó còn kém đứa em út của tôi ba, bốn tuổi! Tuy ở với dì ruột, tôi biết Hân đang thiếu một tình thương phụ mẫu, nhất là hình bóng của một người cha. Và... không phải là một nhà Tâm-lý-Học, tôi không thể biết nổi: ở tuổi nào sớm nhất, một đứa con gái có thể biết yêu? Vì có một lần, mấy cô bạn gái của tôi từ Sài Gòn lên thăm. Khi họ ra về, bé Hân đã đối xử với tôi một cách rất khác thường! Nó lảng tránh và ít nói hăng, không hồn nhiên như trước nữa! Hình như nó cũng biết hờn ghen? Tôi nghĩ dù sao, nó chỉ là một đứa con nít! Mà đúng thế, chỉ được hai hôm là cô nàng đã quên hết! Lại dở trò nghịch ngợm, chọc phá như cũ...

Hồi đó cứ như thế, tôi lấy tình thương yêu của anh em binh sĩ dưới quyền và luôn của bé Hân như một hơi ấm gia đình. Đang ở cái tuổi tràn đầy nhựa sống, mấy anh chàng sĩ quan lóc chóc như tụi tôi, có thì giờ là la cà tán tỉnh mấy em cỡ tuổi đôi tám, chọt nở rộ như những bông hoa đầy hương sắc miền thôn dã, chẳng hạn như em Huệ con một ông chủ nhà máy xay, hoặc Giáng Tiên, hoa khôi tỉnh Hậu-Nghĩa! Thế nhưng mấy tháng

nhàn hạ qua nhanh như gió thổi, khi Tiểu Đoàn vừa có một sinh khí mới, thì biến cố Tết Mậu-Thân xảy ra! Tiểu Đoàn hành quân mệt nghỉ, ngày nào cũng có hành quân, ngày nào cũng có đụng độ, mà trận lớn nhất xảy ra vào trước Tết khoảng 2, 3 ngày. Đại Đội của thằng bạn cùng khóa nhảy vào giữa một Tiểu Đoàn VC. Chúng đang ếm quân trong khu vực Rạch Gấu, chờ xâm nhập để đánh vào Phú-Lâm ngày mùng một Tết. Hai trực thăng bị trúng đạn phải quay về, Đại Đội của nó thành Đại Đội trừ! Không đủ trực-thăng, Đại Đội của tôi phải lội bộ vào tiếp cứu. Địch áp đảo về quân số, vũ khí có thừa, nhưng mục tiêu của chúng là vùng Chợ Lớn, ngày Tết, không phải là chúng tôi. Thế nên chúng chỉ cầm cự, chờ đêm xuống là rút. Vậy mà mãi mờ sáng hôm sau, tụi tôi mới thanh toán xong mục tiêu. Nhờ những phi-vụ oanh tạc và pháo binh bắn suốt đêm, VC dù đã cố kéo theo, nhưng cũng đành để lại rất nhiều xác chết và vũ khí. Mặc dù vậy, chúng tôi cũng không vui gì khi phải đem ra xác thằng bạn Đại Đội Trưởng và bốn binh sĩ dưới quyền của anh! Tội nghiệp, anh quê ở Hóc Môn, ra trường là xin ngay về SĐ25 cho gần nhà!

Khóa chúng tôi đã có một số nhờ tài thao lược, lòng dũng cảm, cộng thêm sự may mắn, đã vượt qua nhiều gian khổ và nguy hiểm mang lại nhiều chiến công về vang cho quân đội, nổi bật nhất là Tr/T BĐQ Lê-văn-Ngôn với 510 ngày trấn thủ Tổng-Lê-Chân. Đa số còn lại đều đã hy sinh khi còn rất trẻ, trong những trận đánh tuy khốc liệt, nhưng không một ai biết, chẳng một ai hay! Tên tuổi và thành tích hiếm khi được xuất hiện trên trang nhất các nhật báo, mà đa phần chỉ thấy nằm trong những khung hình chữ nhật, màu tang đen nơi trang bốn!

Qua hai đợt Mậu-Thân, tôi sống sót và được thăng Trung-úy, nghĩa là sớm hơn quy định khoảng gần nửa năm, nhưng đến cuối năm 1969 tôi bị thương nặng, miếng mìn văng đầy người. Tệ nhất, có một miếng chém vào động mạch bên nách phải, máu ra rất nhiều và nếu không nhờ trực thăng tản thương về bệnh viện dã chiến của SĐ25 Hoa-Kỳ, chắc chắn là tôi đã theo mấy thằng bạn vui vẻ về miền quá cố rồi! Khi cơn thập tử nhất sinh đã qua, tôi được chuyển về nhà thương Cộng-Hòa. Một hôm tôi đang nằm cho y tá rửa vết thương và thay băng thì có mấy anh em Ban 5 Trung và Tiểu Đoàn lên thăm. Tôi ngạc nhiên hết sức khi thấy có cả bé Hân trong đó. Nó chạy ngay lại ôm lấy tôi, nước mắt đầm đìa... Ông Thượng-sĩ thường-vụ của tôi sau khi thăm hỏi xong, nói nhỏ vào tai tôi:

- Ngày nào nó cũng lên TĐ, xin bằng được nếu khi nào TĐ lên thăm thương binh binh, nhớ cho phép nó đi theo!

Tôi nhìn xuống con bé đang rúc cái đầu bé nhỏ vào bụng tôi, tấm thân mảnh mai của em thì rung rung theo tiếng nấc. Tôi cúi xuống hôn trên mái tóc mềm mại của nó và cứ để như vậy một lúc lâu, bởi vì chính trong lòng tôi cũng đang ngẹn ngào, xúc động!

Lúc sau, tôi nâng cằm nó lên, trấn an nó:

- Chú không sao đâu. Chỉ một thời gian ngắn nữa là chú sẽ lành vết thương và sẽ được xuất viện.
- Rồi Trung-úy có trở lại Đại đội không? Nó ngược mặt e ngại hỏi tôi điều mà nó quan tâm nhất.
- Chú cũng không biết nữa, chắc là phải ra một hội-đồng quân-y để họ giám định. Sau đó, chú mới biết.
- Vậy khi nào xuất viện, chú xuống thăm Hân nha? Tôi mỉm cười nhìn nó:
- Chắc chắn là chú sẽ đến thăm Hân và các anh em trong đại-đội, ngay khi nào chú có thể đi được.

Lúc này mới thấy nó nở một nụ cười, rồi cúi xuống nhấc lên một túi nhỏ và lấy từ trong đó ra một ít trái cây để trên chiếc bàn nhỏ đầu giường. Thì ra nó cũng biết đem quà cho thương binh! Phái đoàn thăm viếng lúc này đã xin phép tôi để qua thăm các anh em thương binh khác. Trước khi ra khỏi phòng, ông thượng-sĩ thường vụ cúi xát tai Hân dặn dò:

- Khoảng nửa tiếng nữa con ra chỗ đậu xe để về nha. Về sớm cho an toàn.

Nó ngoan ngoãn gật đầu, rồi bắt đầu bi bô:

- Tháng trước ai trong đại đội cũng tin là chú đã chết rồi. Tiểu-đoàn không có tin tức gì vì chú nằm ở bệnh viện Mỹ. Mãi sau, khi họ chuyển về Cộng-Hòa mới biết chú còn sống. Dì Thanh có đất Hân đi cầu nguyện trên chùa hoài. Dì con nói gởi lời thăm chú.

Đến đây, nó bắt đầu quay qua nhìn mấy vị sĩ quan thương binh khác nằm cùng phòng. Chợt thấy chiếc nhẫn của tôi để trên mặt bàn lúc tháo ra cho y tá rửa vết máu trong các ngón tay, nó cầm lên ngắm nghía rồi hỏi:

- Nhẫn này của chú? Sao bự và đẹp quá vậy?
- Ừa, nhẫn của chú. Đây là chiếc nhẫn lưu-niệm của trường Võ-Bị ĐàLạt, lúc mãn khóa ai cũng có.
- Chú quý nó lắm?
- Chú rất quý nó, và chú đã đeo nó từ khi ra trường.

Nó nhẹ nhàng để lại chiếc nhẫn vào chỗ cũ, rồi quay ra ôm lấy tôi, như thể không muốn xa rời. Nó kể đủ thứ chuyện ở Đức-Hòa, đâu là đại đội đã có Đại Đội Trưởng mới, nhưng không còn đóng ở nhà nó nữa, các chú trong BCH/ĐĐ vẫn thường ghé thăm luôn...

Nửa giờ sau, ông thường-vụ đã xuất hiện ở cửa phòng, nói với vào:

- Chào Trung-úy đi Hân, đến giờ về rồi.

Hân bắt đầu lúng túng, vòng tay bé nhỏ, nó cố ôm lấy tôi. Mấy phút sau, tôi phải nhẹ nhẹ gỡ nó ra:

- Thôi Hân về đi không họ chờ.

Nó nhìn tôi như muốn khóc:

- Chú hứa nha! Đừng quên đến thăm Hân nha, Hân chờ đấy!

Nói rồi nó buông tôi, từ từ bước ra cửa, hình như nó đã khóc. Đến cửa phòng, nó quay lại nhìn tôi, bàn tay bé nhỏ của nó đang cố chùi những giọt lệ... Không cầm lòng được, tôi gọi nó:

- Hân lại đây với chú.

Tôi cầm chiếc nhẫn lưu-niệm của tôi, nhẹ nhàng để vào lòng bàn tay của nó:

- Hân giữ cho chú chiếc nhẫn này. Giữ thật kỹ và đừng cho ai biết. Hân biết là chú quý nó như thế nào rồi.

Khi nào xuất viện chú sẽ đến thăm Hân và Hân đưa lại cho chú, thế có được không?

Thật không ngờ, cái ý-kiến bất chợt đến với tôi lúc đó lại có tác dụng ngay. Hân vui mừng ra mặt, ít nhất nó đã có một vật làm tin kèm theo lời hứa. Lau hết nước mắt nó thủ thỉ:

- Dạ, con sẽ giữ thật kỹ, chờ khi nào Trung-úy đến con giao lại.

Tôi xoa đầu nó rồi đẩy nhẹ nó về phía cửa. Lần này, nó quay lại mỉm cười nhìn tôi và rồi bóng nó từ từ lẩn vào với dòng người thăm viếng bên hành lang bệnh-viện...

Tôi xuất viện sau đó chừng một tháng, và phục hồi mau lẹ. Tuy vậy, phải chờ đến tháng ba năm 1973 tôi mới nhận được giấy tờ giải ngũ chính thức. Nhìn ngó bên ngoài, tôi may mắn không mất mát gì cả, nhưng những ngón tay bên mặt, nhất là ngón chỏ, không co duỗi bình thường được. Cầm tờ chứng-chỉ giải-ngũ trong tay, tôi ngậm ngùi: thế là vĩnh viễn giã từ vũ khí!

Trong khoảng thời gian chờ quyết-định của Hội-Đồng Quân-Y, tôi đã đi Đức-Hòa thăm lại chốn xưa. Đại Đội của tôi gần như hoàn toàn mới, chỉ trừ một vài anh em trong BCH/ĐĐ nhận ra tôi, còn lính tráng hầu hết là lính mới, nhìn tôi như nhìn một người xa lạ! Chiến tranh đã làm thay đổi nhanh không thể ngờ được! Tôi lần mò đến nhà cô giáo Thanh để thăm cô và bé Hân nhưng thật không may, người nhà cho biết hai dì cháu cô đã đi ăn đám giỗ bên Bình Thủy, có lẽ đến chiều mới về. Tôi buồn rầu về lại Sài Gòn, tự hứa sẽ trở lại vào một dịp khác.

Chiến tranh vẫn còn đó, chiến trận gia tăng khắp mọi nơi, nhưng Sài Gòn vẫn còn là một mảnh đất khá bình yên! Nó như một hải đảo nằm giữa một biển lửa. Và tôi đã phải cố gắng để thích ứng với cuộc sống hoàn toàn thay đổi. Dù sao, tôi vẫn còn trẻ. Tôi làm việc như một cái máy, nhưng tôi không còn bị cô đơn, cái cô đơn của một người chỉ huy, dù chỉ là một cấp nhỏ; tôi tự do, không còn bị ràng buộc vào một trách nhiệm có liên can đến sinh mệnh của nhiều người khác. Tâm trạng thả lỏng này đã dẫn tôi đắm mình trong thụ hưởng, để bù lại cho bao năm tháng tuổi xuân đã qua đi trong quân-trường và ngoài trận địa. Bận rộn vì công việc lúc ban ngày, say mê trong ánh đèn màu của các vũ-trường vào ban đêm, tôi gần như đã quên hẳn Hân, một đứa bé đang ở một nơi thiếu an ninh, mà chỉ một năm trước, tôi đã coi nó như một đứa em ruột thịt. Tôi đã tự khất lần, và ngần ngại không muốn ra khỏi Đô-thành, nơi mà lúc nào cũng có những cuộc vui đang chờ sẵn.

Khoảng đầu năm 1974, nhân một chuyến đi Trảng Bàng, tôi ghé vào Đức-Hòa và gặp lại Hân. Căn nhà vắng vẻ, khu xóm cũng thiếu bóng những người lính, có lẽ họ đang bận rộn trong một cuộc hành-quân nào đó. Khi tôi đến, chỉ có mình Hân ở nhà, cô Thanh có lẽ đang đi coi ruộng vườn. Hân lúc này không còn bé nữa, em đang là một thiếu-nữ tràn đầy nhựa sống với một vẻ đẹp tự nhiên và tuyệt mỹ mà Thượng-Đế chỉ dành cho những người con gái đương độ thanh xuân. Em mừng đến rơi cả nước mắt khi thấy tôi. Rót nước mời, em vẫn thân mật nhưng tỏ ra hơi e thẹn, cái e thẹn dễ yêu của các cô gái đang dậy thì. Hân cho biết em đã trông mong tôi từng ngày, và rất ân hận vì lần trước tôi đến, mà em không được gặp. Lấy chiếc nhẫn dấu kín trong hộc tủ, Hân đưa nó sát mặt tôi, rồi nắm vội nó trong bàn tay và áp lên ngực:

- Hân biết đây là chiếc nhẫn lưu-niệm của chú, nó lưu lại những kỷ-niệm của chú với quân-trường ĐàLạt; nhưng bây giờ, nó cũng đã trở thành một vật lưu-niệm của Hân. Nó đã lưu lại những kỷ-niệm giữa Hân và chú. Hân muốn được giữ nó lâu hơn nữa, như vậy có được không?

Tôi cảm động trước những lý lẽ phát ra từ con tim của em:

- Hân cứ giữ nó đi, như vậy khi nào chú đến với Hân, chú sẽ được gặp cả hai.

Quá vui mừng, quên cả e thẹn, Hân chạy lại ôm tôi, và nói trong cảm động:

- Thực ra, khi có chiếc nhẫn bên mình, Hân có linh cảm là chú sẽ luôn luôn quay về tìm Hân, và như vậy Hân sẽ không bao giờ mất chú.

Tôi ôm chặt Hân, và hôn nhẹ trên trán em như vài năm trước, khi em còn rất nhỏ. Hình như Hân muốn nhiều hơn thế, em từ từ ngước mặt lên để mong hai làn môi chạm nhau, nhưng tôi đã tự dừng lại bằng cách buông lỏng em. Có phải tôi đang còn bối rối giữa Hân, một đứa bé và Hân, một cô gái đang độ xuân thì?

Chúng tôi chia tay nhau khi ánh chiều vừa xuống. Tôi hứa với Hân sẽ lên thăm em thường hơn. Cả hai cùng bịn rịn, không nỡ rời nhau, nhưng rồi phút chia ly cũng phải tới, tôi lên xe về lại Sài Gòn mang theo một hình ảnh của Hân, đầy nước mắt... Những tháng ngày sau đó, thời cuộc biến đổi không ngừng... Tất cả đều thất lợi cho miền Nam chúng ta. Ngay cả con đường từ Sài Gòn đi Đức-Hòa cũng không còn an ninh nữa! Tiếp đến là những biến cố dồn dập, nó đến nhanh quá, như dòng thác lũ, như cơn đại hồng thủy, nó cuốn đi hết cả... Không kịp nữa rồi, những gì ta không làm, hoặc chưa làm, đành phải xếp lại trong niềm hối hận khôn nguôi... Câu "nước mất, nhà tan" thật là thấm thía với tâm trạng của những người bỏ nước ra đi ngày ấy! **Ra đi là không bao giờ nghĩ đến ngày trở lại, ra đi là chấp nhận cả một trời mù mịt, đau thương!** Tôi cũng ở trong số ít những người "bất hạnh nhưng may mắn" này! Tất cả nhân dân miền Nam coi như gãy cánh nửa đường; có khác chăng, chỉ là mỗi người "gãy" một kiểu!

Riêng tôi đã gãy một lần rồi, vừa mới bắt đầu xây dựng lại, thì nay lại gãy thêm một lần nữa...

o O o

Vật lộn với cuộc sống đến năm thứ 32 trên nước Mỹ, tôi quyết định nghỉ hưu vì đã thấm mệt, cả thể xác lẫn tinh thần. Những chuyện ngày xưa khi nhớ, khi quên. Nhiều chuyện quên hẳn, như gió thoảng, như mây bay! Dòng đời thay đổi, cũng chỉ là lẽ tự nhiên của cuộc sống!

Những ngày, tháng buồn tênh, tôi chợt nhớ đến một câu thơ, không biết đã đọc được ở đâu và ai là tác giả:

*Khi ta ở, đất chỉ là đất,
Khi ta đi, đất đã hóa linh hồn!*

Vâng, linh hồn của đất, của những nơi ta đã từng đi qua, những nơi ta đã từng dừng lại... Nó đã có một linh hồn, và linh-hồn đó đã ám ảnh tim ta, như muốn gọi ta về.

Và ... tôi đã về thăm lại Sài Gòn vào năm 2007!

Vẫn biết đổi thay là lẽ tự nhiên của cuộc sống, sao tôi vẫn thấy bàng hoàng, tiếc nuối những ngày xa xưa?! Lang thang mãi ở Sài Gòn, chán! Một hôm, tôi trở lại Đức-Hòa, tò mò muốn biết giờ nó ra sao? và... những người muôn năm cũ...? Hơn ba mươi năm đã trôi qua, vật đổi sao rời, bóng chim tăm cá.

Đức-Hòa đã thay đổi theo một chiều hướng đi xuống! Ngày xưa, dù đang là thời chiến tranh, nó vui nhộn biết là bao: hàng quán, lính tráng, người mua kẻ bán ồn ào, tấp nập. Những con đường, tuy chỉ nhỏ vừa cho hai xe nhà binh tránh nhau, nhưng đầy bóng mát của những hàng cây cao... Giờ đây, có những con đường mới mở, rộng thênh thang, thẳng tắp, nhưng trống trơn dưới ánh nắng như thiêu như đốt, không một bóng cây; xe cộ thì lè loi vài chiếc! Thị-xã giống như một cô gái quê, xấu, đang cố làm dáng với những vết son vụng về tô vội!

Đến khu Bình Tả, nơi ngày xưa tôi đã đóng quân. Cảnh vật không thay đổi nhiều, nhưng sao trông thật hoang sơ, buồn thảm. Tại một ngã ba, ngày ấy có một cái quán lụp xụp, lúc nào cũng ồn ào những lính. Chính tại nơi đây, tôi đã ăn một tô hủ tíu ngon nhất trong đời! Đi vào sâu hơn khoảng trăm mét là ngôi biệt thự nhà máy xay. Căn nhà hình như đang bỏ hoang. Hỏi thăm thì biết cô Huệ đã định cư bên Úc từ lâu. Cô Giáng Tiên, hoa khôi Hậu-Nghĩa, nghe nói sau này lấy một sĩ quan Biệt-động-quân đẹp trai, giờ này chắc đang ở bên Mỹ. Đi sâu hơn nữa thì gặp tàn tích của một cái đồn, đồn này là của tiểu-đoàn chúng tôi hồi đó. Gần đấy có cấm một cái bảng nhỏ, trên đề: Di tích lịch-sử - Cấm đến gần! Tự nhiên, tôi thấy lạnh toát người. Có phải anh linh của bao nhiêu chiến sĩ ngày xưa, vẫn như còn đang phảng phất đâu đây?!

Ra thăm khu trung tâm thị-xã, ở đây có thay đổi chút ít. BTL/SĐ25 BB nay hình như đang là một khu dành cho

trẻ em, ngay trước cổng vào có một căn nhà nhỏ, trong đó trưng bày hình ảnh và những kỷ-vật của ông Võ văn Tần! Chợ Đức-Hòa có xây một mặt tiền mới, quay về hướng khác, nhưng bức tường mặt tiền cũ vẫn còn nguyên. Đang ngơ ngáo nhìn ngắm cảnh vật, tôi chợt để ý có một bà cụ cứ chăm chú nhìn tôi. Bước đi vài bước, bà lại quay đầu nhìn lại; cuối cùng bà cụ đến gần nhỏ nhẹ hỏi tôi:

- Nếu không phải, xin ông thứ lỗi. Phải ông đây là Trung-úy Phong không?

Tôi giật bắn người. Chắc chắn đây là một người quen biết với tôi, nhưng nghĩ mãi, tôi đành chịu:

- Dạ, tôi là Phong đây! Xin lỗi, trí nhớ tôi hơi kém, bà đây là...?

- Trời đất, Mô Phật! Thiệt không ngờ cũng có ngày tôi lại gặp được Trung-úy! Tôi là Thanh đây. Xưa Trung-úy có đóng quân nhà tôi, Trung-úy còn nhớ không?

Lúc này thì hình ảnh của một cô giáo Thanh ngày xưa đã lờ mờ lẫn vào khuôn mặt già nua của bà cụ, tôi mừng rỡ:

- Cô giáo Thanh. Tôi nhận ra rồi. Tôi nhận ra rồi. Chà, cô trông còn mạnh lắm, đi không cần chống gậy mà. Xin mời cô vô quán nước đây ta ngồi nói chuyện.

Đôi mắt già nua của cô Thanh đã thấy có ánh nước, cô cầm tay tôi ân cần:

- Thôi, quán xá gì. Chắc là Trung-úy ở nước ngoài về thăm quê hương? Trung-úy có rảnh mời ghé lại tôi uống miếng nước. Nhà cũng gần đây thôi.

- Dạ. Tôi ra khỏi nước từ năm 75, giờ nghỉ hưu rồi mới có dịp về thăm lại. Hồi nãy đi ngang, tôi thấy nhà cũ của cô giờ dường như là một nhà máy gì đó?

- Bị nhà nằm trong khu "quy-hoạch", nghe đâu họ đã bán đất đó cho Hàn quốc lập nhà máy may gì đó. Tôi phải mua bậy một căn nhà cũng gần chợ đây thôi, cho nó tiện. Mời Trung-úy đi theo tôi, chút xíu là tới à.

Léo đẹo theo chân bà cụ đi sâu vào một con đường nhỏ ngang hông chợ, tôi ngần ngại ngó ý:

- Tôi già từ quân đội lâu lắm rồi, cô Thanh cứ gọi tôi bằng tên cho tiện.

- Không có sao đâu. Ở đây bà con cỡ tuổi tôi, ai cũng quý những người lính Cộng-Hoà khi xưa! Lại bởi tôi quen miếng rồi, tôi nhớ trung-úy là trung-úy, gọi khác nghe kỳ lắm.

Đến đây, mặc dù tận đáy lòng, như có một chút gì hơi hổ thẹn vì sự thất hứa năm xưa, nhưng tôi không thể quên được Hân:

- Thế cháu Hân giờ sao rồi? Chắc cũng con cháu rầm rề cả!?

Cô Thanh bỗng như chùng xuống, cô nói rất nhỏ, giọng run run:

- Cháu... cháu nó không còn ở với tôi nữa.

Vừa lúc đó, cô dừng lại trước một căn nhà, nhà của cô. Phải qua một cái sân nhỏ trước khi vào tới phòng khách. Cô Thanh dơ tay:

- Dạ, mời ngồi. Để tôi lấy nước trà mời trung-úy.

Trong nhà còn có hai vợ chồng người bà con của cô, tuổi khoảng ngũ tuần. Cô Thanh sai họ châm bình nước trà, đoạn rót ra trên trọng mời tôi. Không giữ được kiên nhẫn, tôi hỏi:

- Hồi nãy cô nói cháu Hân không còn ở với cô. Vậy giờ cháu đang ở đâu?

Sau một hơi thở thật dài, cô Thanh bỗng bật lên khóc nức nở. Hai tay bưng mặt, cô nói trong tiếng nấc:

- Cháu nó đã mất rồi! Nó bỏ tôi đã gần ba chục năm rồi trung-úy ơi!

Tôi bàng hoàng, choáng váng như vừa bị dội cả một thùng nước lạnh vào người! Qua một phút xúc động đến tột cùng, tôi lấy lại bình tĩnh:

- Cháu nó qua đời như thế nào, cô có thể cho tôi biết được không?

- Chuyện cũng hơi dài dòng, vì vậy tôi có ý mời trung-úy tới nhà, mình có nhiều thời gian hơn.

Cô Thanh có vẻ đã lấy lại được chút bình tĩnh, cô tiếp:

- Tôi nhớ nó mất năm Mậu Ngọ, 1978. Lúc đó khó khăn lắm, cả nước đói! Ở quê như chúng tôi mà cũng phải ăn độn! Cháu Hân bỏ học ngay từ năm 75. Nó nói học hành gì mà tối ngày họp tổ, họp đoàn, rồi chửi bới chế độ cũ... Vậy mà cũng không thoát, nó phải nhập vào cái gì kêu là thanh-niên xung-phong gì gì đó, đi làm thủy lợi. Nghĩa là đào kinh, đắp mương đó, trung-úy.

Ngừng lại vài giây như thể để lấy thêm sức, cô tiếp:

- Hồi đó nó đang tuổi con gái, mà ăn uống thì thiếu thốn. Lại thêm thi đua này nọ, nó bị mất sức nhiều lắm, rồi bị sốt xuất huyết. Bệnh cũng không đáng gì, nhưng thuốc men hồi đó hoàn toàn không có. Ăn còn không đủ, nói chi thuốc!... Lúc đó nó mới vừa 19 tuổi.

Đến đây, cô lại ôm mặt nức nở... Tôi lại gần cô, vỗ về an ủi:

- Số phận đã an bài như vậy, không cho em qua được cơn khó khăn. Cô cũng không nên rầu rĩ quá không có lợi. Tuổi cô cũng như tôi, ngày một yếu kém...

- Tôi cũng biết vậy, và tôi cũng đã cố giữ gìn sức khỏe, để sống đến ngày hôm nay...

Nói tới đây, cô Thanh từ từ đứng dậy, hướng dẫn tôi đi về phía bàn thờ giữa căn nhà. Phía trên bàn thờ, tôi thấy có treo hai tấm hình lớn mà tôi đoán là song thân của cô Thanh; đặt trên mặt bàn thờ phía bên trái, có ba tấm hình mà một trong ba tấm đó, tôi nhận ra là em Hân. Hình chụp có lẽ vào lúc em 17, 18 tuổi, trông xinh đẹp như một bông hoa đang nở. Khi tôi nhìn em thì đôi mắt của em cũng đã nhìn vào tôi từ lâu lắm rồi, có lẽ ngay từ khi tôi bước vào căn nhà này! Thấp nén nhang, tôi biết tim tôi đang chảy ra thành nước, và dòng nước ấm đó đang chảy ngược lên phía đôi con mắt ... Khói nhang bốc lên không gian và tỏa rộng. Ánh sáng yếu ớt khúc-xạ qua làn khói, làm như em đang mỉm cười nhìn tôi. Có lúc lại không phải là cười, mà đang nhìn tôi như trách móc!?

Mắt tôi bỗng nhiên hơi mờ đi, hình ảnh của Hân, một buổi chiều xa xưa trong dĩ-vãng bỗng hiện về, bé nhỏ lẫn trong đám người thăm viếng ở bệnh-viện Cộng-Hòa, em quay lại mỉm cười nhìn tôi... Và rồi lần cuối cùng tôi gặp, cánh tay bé nhỏ dơ lên chào tạm biệt khi tôi trở về Sài Gòn, mắt em đầy lệ...

Một âm thanh mơ-hồ như vọng lại từ một nơi nào xa, xa lắm:

- ...Đừng quên đến thăm Hân nha, Hân chờ đấy!...

Người tôi lúc đó như muốn rũ xuống, tôi cố gắng hết sức đứng thẳng người, nhìn tha thiết vào đôi mắt em, cầu xin một tha thứ.

Ngay trước bức hình của em, tôi thấy có một hộp nhỏ bằng nửa bàn tay, khảm xà cừ màu đen rất đẹp. Thấy tôi nhìn vào chiếc hộp nhỏ, cô Thanh nói như khuyến khích:

- Trung-úy cứ cầm lên và mở ra coi.

Tôi nhẹ nhẹ cầm chiếc hộp lên bằng hai tay và mở nó. Một thứ ánh sáng như lóe lên: chiếc nhẫn Võ Bị năm xưa của tôi hiện ra, sáng bóng, nằm trong hộp trên một miếng nỉ trắng. Cầm chiếc nhẫn trên tay, tôi chột rùng mình, dường như có một luồng điện nhẹ đang chạy qua khắp châu thân! Qua bao năm tháng, chiếc nhẫn vẫn còn đây mà người xưa đã mất. Chiếc nhẫn như nhắc tôi một lời hứa mà tôi không giữ trọn! Nhìn giọt nước mắt rơi, tôi mới biết mình đang khóc. Thực lòng, tôi cũng không biết tôi đang khóc vì vui mừng thấy lại một kỷ vật xưa, hay đang khóc vì tràn đầy ân hận. Rồi như một phản xạ, tôi đưa nó lên gần miệng, hà một hơi ấm vào viên hồng ngọc rồi chà sát nhẹ nhẹ vào ngực, phía trái tim. Nhặt nhòa trong nhang khói, tôi thấy Hân như lại mỉm cười. Có phải tôi tưởng tượng không, hay đang có một thần giao cách cảm?

Cô Thanh từ nãy chỉ đứng yên lặng theo dõi, bỗng cô nói, giọng nhẹ như hơi thở:

- Những lúc còn tỉnh, cháu nó đã kể hết cho tôi nghe vì sao nó có chiếc nhẫn này. Trước đó, nó đã giấu cả tôi, giữ kín và âm thầm chờ mong cho đến những ngày cuối cùng. Trước khi nhắm mắt, nó còn dặn tôi phải để chiếc nhẫn này ngay trước hình thờ của nó, vì nó quả quyết là sẽ có một ngày, một ngày trung-úy sẽ tìm đến. Ngừng một phút, cô nói thật nhỏ, như nói với chính mình:

- Cũng phải mất hơn ba chục năm! Giờ thì cháu đã lại về hiệp phố!

Đặt lại chiếc nhẫn vào trong hộp và trân trọng để chiếc hộp vào đúng chỗ ban đầu, tôi quay qua cô Thanh:

- Thừa cô, chắc nó không cần về "hiệp phố" nữa đâu. Tôi giữ nó chỉ có khoảng 5 năm, thế mà chiếc nhẫn này nó đã ở bên em Hân những trên ba mươi năm, những lúc em còn sống và cả những lúc em đã qua đời. Tôi không thể hình dung được rồi mai đây, bên hình của em sẽ chỉ còn là một khoảng trống. Tôi biết khi xưa, em luôn luôn muốn có chiếc nhẫn này ở bên cạnh. Cái chỗ đúng nhất của nó là ở trong cái hộp này, ở tại nơi đây! Xin phép cô, cho tôi cứ để nó bên em Hân mãi mãi... Âm dương là muôn đời cách trở, nhưng tôi muốn mượn chiếc nhẫn này, như một vật xúc-tác giữa hai linh hồn, một linh hồn sống tha-phương nơi đất khách quê người, và một linh hồn mãi mãi trên quê hương...

o o o

Cô Thanh ân cần mời tôi ở lại dùng cơm chiều, nhưng tôi phải từ chối vì không muốn trở lại Sài Gòn khi quá tối. Tôi hẹn tuần sau sẽ lên để thăm mộ và đốt cho em Hân một nén nhang. Khi tiễn tôi qua chợ, cô cười nói với tôi:

- Trung-úy biết không, khi mua lại căn nhà gần chợ này, tôi cũng có chủ ý là được thấy thật nhiều du khách Việt-kiều. Thấy ai có dáng Việt-kiều là tôi ngó thiệt kỹ. Không dè cũng có ngày Trời Phật thương.

Tôi mỉm cười trước những ý nghĩ chân chất và đôn hậu của một người miền Nam như cô Thanh. Từ giã cô, tôi theo tỉnh lộ 10 về Sài Gòn. Trước kia con đường này ít khi được xử dụng vì luôn luôn bị đắp mô, mìn bẫy...

Thương hải biến tang điền! Ngàn xưa đến ngàn sau, dù muốn hay không, đổi thay mãi mãi vẫn là một bản chất tự nhiên của cuộc sống! Chỉ có tình-cảm của con người, có những thứ tình-cảm mà đời đời, không bao giờ thay đổi!

...Vậy mà nhiều khi tôi vẫn đinh ninh rằng: Đã mất hết cả rồi!

Bùi Thượng Phong